

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2023/DS-PT
Ngày 10 - 7 - 2023
“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành
Ông Ngô Đề
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thoán – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Ông Thạch Vũ, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2023/QĐXXPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 187/2023/QĐPT-DS ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980. Địa chỉ: A đường F, khu phố A, phường H, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: ấp K, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh (có mặt)
- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn U, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn C, sinh năm 1967. Chỗ ở hiện nay: ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (vắng mặt không có lý do)

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Tấn U là bị đơn trong vụ án kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày và có yêu cầu như sau:

Vào năm 2020, bà Nguyễn Thị H có cho ông Nguyễn Tấn U vay nhiều lần với tổng số tiền 133.000.000 đồng, bà H gửi tiền qua hệ thống ngân hàng vào tài

khoản của ông U số 7408215024893 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – chi nhánh huyện C nên không viết biên nhận, cụ thể các lần vay, chuyển tiền có phiếu nộp tiền như sau:

Lần 1 vào ngày 07/01/2020 đương lịch (dl) cho vay số tiền 15.000.000đ;

Lần 2 vào ngày 06/02/2020 (dl) cho vay số tiền 30.000.000đ;

Lần 3 vào ngày 10/02/2020 (dl) cho vay số tiền 30.000.000đ;

Lần 4 vào ngày 25/02/2020 (dl) cho vay số tiền 20.000.000đ;

Lần 5 vào ngày 27/02/2020 (dl) cho vay số tiền 3.000.000đ;

Lần 6 vào ngày 03/3/2020 (dl) cho vay số tiền 10.000.000đ;

Lần 7 vào ngày 10/3/2020 (dl) cho vay số tiền 25.000.000đ;

Do là bạn quen biết giúp đỡ ông U làm ăn nên bà H không tính lãi và thỏa thuận khi nào bà H có yêu cầu lấy lại vốn thì ông U trả. Đến tháng 10/2021 bà H yêu cầu lấy lại số tiền ông U đã vay nhưng ông U không thiện chí trả, nhiều lần bà H đòi lại tiền thì ông U không trả mà thách thức bà H thưa kiện. Do đó, bà H yêu cầu ông Nguyễn Tấn U phải trả tổng số tiền vay là 133.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết ông U thừa nhận có nhận số tiền 133.000.000đ của bà H nhưng ông U cho rằng số tiền này bà H chuyển về để ông chi trả tiền đầu tư mua đồ hùn nuôi tôm với ông Nguyễn C dùm bà H; tuy nhiên bà H thừa nhận có hùn nuôi tôm với ông C, việc hùn nuôi tôm với ông C là do ông U giới thiệu nhưng bà không hợp đồng giao việc, không nhờ ông U làm gì trong việc hùn nuôi tôm với ông C, không chuyển tiền cho ông U mua dụng cụ đầu tư nuôi tôm như ông U khai và những giấy tờ phía ông U nộp bà H không biết mà bà H xác định tiền chuyển vào tài khoản của ông U là cho ông vay, còn phần hùn với ông C thì giữa bà H với ông C đã tính toán chia tài sản xong.

Bà H thừa nhận có nhờ ông U mua 01 hồ ươn tôm giá 25.000.000đ do bà nhận hàng trực tiếp trả tiền nhưng không cung cấp hóa đơn chứng minh bà trả tiền nên đồng ý trả tiền lại cho ông U và thỏa thuận trừ vào tiền vay 133.000.000đ, do đó yêu cầu ông U trả số tiền vay còn lại là 108.000.000đ. Bà yêu cầu ông U trả số tiền vay còn lại là 108.000.000đ; đối với việc ông U cho rằng số tiền 133.000.000đ bà chuyển về là nhờ ông mua vật dụng, đồ dùng và chi trả các khoản như ông U nêu để hùn nuôi tôm với ông C dùm bà là không có, bà không hợp đồng giao việc nhờ ông U làm gì.

Những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Tấn U trình bày như sau:

Ông U thừa nhận có nhận tổng số tiền 133.000.000đ của bà H chuyển vào tài khoản của ông nhiều lần như phiếu nộp tiền bà H cung cấp.

Ông U cho rằng đây không phải là tiền vay như bà H trình bày mà tiền bà H chuyển về để nhờ ông chi trả tiền mua sắm thiết bị, dụng cụ hùn nuôi tôm với ông Nguyễn C. Cụ thể bà H có đất nuôi tôm nhưng không có người biết kỹ thuật

nuôi nên nhờ ông giới thiệu ông Nguyễn C để hợp tác nuôi tôm với bà H, được bà H đồng ý nên bà H và ông C thỏa thuận hợp tác nuôi tôm trên đất của bà H tọa lạc tại xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Do bà H ở thành phố Hồ Chí Minh không trực tiếp trông coi nên bà H nhờ ông phụ trông coi, mua sắm thiết bị chuẩn bị hồ nuôi cùng ông C, khi đó ông U đã mua gồm: mua trụ bê tông 9.312.000đ, mua dây điện 9.900.000đ, mua tre lá làm chòi 11.735.000đ, mua hồ ươn giống 25.000.000đ, mua thêm 150m dây điện 4.950.000đ và ứng chi cho ông C 60.000.000đ (ông C đã mua hóa chất xử lý ao, thức ăn, quạt), chi trả tiền thuê hồ là 10.000.000đ; Tổng cộng số tiền chi mua sắm và các khoản hết số tiền là 130.897.000đ, ngoài ra chi trả đồ xăng xe, chi trả tiền cho nhân viên điện lực và một số vật dụng khác nên chi hết số tiền còn lại, các khoản chi trên đều báo (điện thoại) cho bà H biết nên bà chuyển tiền vào tài khoản của ông để ông nhận chi.

Đến khoảng tháng 6, tháng 7/2020 do làm ăn lỗ nên bà H và ông C thống nhất tính toán chia tài sản đã hùn mua sắm, kết thúc không còn hợp tác nữa.

Bà Hiền thừa nhận tiền mua hồ ươn 25.000.000đ thỏa thuận trừ vào số tiền 133.000.000đ thì ông đồng ý; đối với số tiền còn lại 108.000.000đ ông U không đồng ý trả mà yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét phần tiền này trước đây bà H đồng ý giao ông chi mua một số đồ dùng và chi trả các khoản trong việc hùn nuôi tôm với ông C, ông đã chi hết.

Ông Nguyễn C có lời khai trình bày như sau: Việc tranh chấp tiền vay giữa bà H và ông U số tiền 133.000.000đ thì ông không rõ. Đối với việc hùn làm ăn nuôi tôm giữa ông và bà H là có thật, việc hùn làm ăn là do ông U giới thiệu, trong thời gian ông và bà H hùn nuôi tôm thì ông U tới lui trông coi việc nuôi tôm dùm bà H, còn việc bà H giao cho ông U việc gì thì ông không rõ nhưng thấy ông U có mua một số dụng cụ chuẩn bị hồ nuôi tôm nhưng về tiền mua và chi trả các khoản này thì ông không biết. Việc hùn làm ăn giữa ông và bà H do thua lỗ nên hai bên đã tính toán chia tài sản hùn xong, không có tranh chấp gì. Riêng phần tài sản ông U mua thì giao cho bà H quản lý, không chia do vật cố định và loại dễ hư hỏng nên không chia.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc ông Nguyễn Tấn U có trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ 108.000.000 đồng (*Một trăm lẻ tám triệu đồng*) cho bà Nguyễn Thị H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà H đối với số tiền 25.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 22 tháng 11 năm 2022, ông Nguyễn Tấn U là bị đơn trong vụ án kháng cáo: Ông U yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới và đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Theo đó, ông Nguyễn Tấn U tự nguyện trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 54.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H tự nguyện thống nhất nhận số tiền trên và không yêu cầu gì thêm.

Ý kiến của Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tuân thủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, xét thấy tại phiên tòa hôm nay các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và việc thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự, sửa án sơ thẩm. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn U còn trong hạn pháp luật quy định, nội dung và hình thức đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có căn cứ xác định: Vào năm 2020, bà H gửi tiền qua hệ thống ngân hàng vào tài khoản của ông U số 7408215024893 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn – chi nhánh huyện C 07 lần với số tiền tổng cộng là 133.000.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện được các bên đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H thừa nhận có nhờ ông U mua 01 hồ uơn tôm giá 25.000.000đ nên bà đồng ý trừ ra và chỉ yêu cầu ông U trả cho bà số tiền vay còn nợ là 108.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông U cho rằng số tiền này bà H chuyển vào tài khoản ông nhận để nhờ ông mua thiết bị, đồ dùng chuẩn bị hồ nuôi tôm mà bà H hùn nuôi tôm với ông Nguyễn C.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Nguyễn Tấn U tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Theo đó, ông Nguyễn Tấn U tự nguyện trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 54.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị H tự nguyện thống nhất nhận số tiền trên và không yêu cầu gì thêm. Xét thấy, sự thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện,

không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận trên của các đương sự, sửa án sơ thẩm. Việc sửa án Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm vấn đề dành cho ông Nguyễn Tấn U một vụ kiện dân sự độc lập là chưa phù hợp bởi lẽ trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán không thông báo cho ông U có yêu cầu khởi kiện độc lập hay không.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm là phù hợp với quy định pháp luật cũng như nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự: Ông Nguyễn Tấn U phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận giữa các bên đương sự bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tấn U.

Sửa Bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Buộc ông Nguyễn Tấn U trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 54.000.000đ (Năm mươi bốn triệu đồng). Bà H thống nhất nhận số tiền trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Tấn U phải chịu 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng).

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tấn U phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà ông U đã nộp tại Biên lai thu số 0013171 ngày 28/11/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thu. Ông U đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu: HS, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mến